



TRẦN ĐƯƠNG



TRÍ NHỎ ĐẶC BIỆT CỦA **BÁC HỒ**



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

TRẦN DƯƠNG

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT
CỦA
BÁC HỒ



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

“HỌC CHỮ ĐỂ LÀM NGƯỜI”

Đó là câu nói của phụ mẫu Bác Hồ và cũng là bài học đầu đời mà Người đã tiếp nhận từ người mẹ thân yêu của mình. Câu nói ấy, bài học ấy không bao giờ phai trong tâm trí của vị lãnh tụ vĩ đại.

Sau hơn nửa thế kỷ, trên cương vị Chủ tịch nước, Bác Hồ vẫn nhớ như in những lần bà Hoàng Thị Loan, phụ mẫu của Người, dạy cho Người học những chữ đầu tiên. Xuất thân từ một gia đình Nho giáo, bà rất quan tâm đến việc học hành của con cái ngay từ tuổi thơ ngây. Theo bà, học chữ là cần, nhưng hiểu chữ còn quan trọng hơn nhiều.

Chuyện kể rằng; khi dạy đến chữ “Nhất” là một, bà Loan đã giảng cho cậu con trai Nguyễn Sinh Cung (tên hồi nhỏ của Bác Hồ) là có hai cách viết, viết đơn và viết kép. Vừa nói, bà vừa lấy bút viết hai cách khác nhau để Cung phân biệt. Khi nói đến viết đơn và viết kép, bà giải thích:

- Chữ viết kép bao giờ cũng nhiều nét. Sau này lớn lên con sẽ hiểu. Còn trước mắt chỉ cần thuộc và hiểu nghĩa là được.

Ngay lập tức, Nguyễn Sinh Cung đã thuộc, hiểu nghĩa và viết được chữ “Nhất” ngay ngắn, đẹp đẽ.

Sau khi dạy xong chữ “Nhất” một nét, ba Loan dạy con chữ “Nhị” hai nét, chữ “Tam” ba nét...

Đến chữ “Tứ”, Cung hỏi mẹ “có phải bốn nét không?”. Bà Loan giảng cho con rằng: “Tứ là bốn, nhưng không viết bốn nét chồng lên nhau, mà phải mượn hình vuông có bốn góc, bên trong có hai nét đối nhau, ngầm chỉ: hai lần hai là bốn”.

Sau sự khai tâm: “tứ không phải bốn nét chồng lên nhau” và “hai lần hai là bốn” mà bà Loan đã dạy, Cung hiểu ra luận lý tam đoạn luận - và cậu hỏi ngay:

- Thưa mẹ, vậy chắc chữ “tứ” phải có nhiều nghĩa khác nhau?

- Con nói đúng. Có đến chín chữ “tứ” khác nhau, và ít nhất mỗi chữ lại mang một nghĩa khác.

Thấy con trai có vẻ suy nghĩ, bà Loan nói luôn:

- Nói đến chữ là phải hiểu nghĩa. Sách vở, chữ nghĩa giúp người ta hiểu những mặt phải trái ở đời để mà xử sự sao cho đúng...

Ngừng một lát, bà Loan nói tiếp:

- Hôm nay học đến đây thôi, ngày mai mẹ còn chỉ cho con những chữ như chữ “Minh” có đến ngót mười nghĩa trong đó có những nghĩa trái ngược hẳn với nhau, như Minh là sáng, và Minh là tối...

Nguyễn Sinh Cung nóng ruột thúc mẹ:

- Mẹ giảng ngay đi, con nhớ nổi mà!

- Không, nhớ nổi cũng không học. Học cũng như leo cây, phải leo từ thấp đến cao... Hơn nữa, học chữ để làm người chứ không phải để nhớ!...

Những lời dạy của mẹ ngay từ thuở thơ ấu đã in sâu vào tâm khảm của Bác Hồ: “Sách vở, chữ nghĩa giúp

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

người ta hiểu những mặt phải trái ở đời để mà xử sự sao cho đúng”, “Học cũng như leo cây, phải leo từ thấp đến cao”, “Học chữ để làm người”... Trong cuộc đời mình, Người đã trải qua biết bao trường hợp đòi hỏi một sự đối xử đúng đắn, đã kiên trì học tập trên mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội từ đơn giản đến phức tạp, từ cơ bản đến tầm cao của kiến thức, trong đó có nhiều ngoại ngữ mà Người sử dụng thông thạo và nhất là vấn đề “làm người” - tức là lĩnh vực đạo đức mà Người là tấm gương cho các thế hệ học tập, làm theo.

“Học chữ để làm người” - trong suốt đời mình, Bác luôn luôn căn dặn cán bộ như vậy. Cuối tháng 9 năm 1949, đến thăm trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương mới được thành lập trong núi rừng Việt Bắc, Bác đã tiếp xúc với ban lãnh đạo và học viên trong nhà trường với tình cảm ấm áp, thân tình. Lúc chuẩn bị tiễn Bác ra về, vị phụ trách nhà trường hỏi Bác xem Người có điều gì căn dặn thêm, Bác nói:

- Tôi chỉ mong là các đồng chí đừng quan tâm đến tôi quá mà phải quan tâm đến mọi người hơn.

Và Người ghi trên trang đầu cuốn *Sổ vàng* của nhà trường lời dạy:

“Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại. Muốn đạt được mục đích thì phải

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”.

Làm người! Đó là việc không đơn giản phải rèn luyện, tu dưỡng suốt đời. Người từng căn dặn: “Học cái tốt thì khó, ví như người ta leo lên núi, khó nhọc mới lên đến đỉnh. Học cái xấu thì dễ, như ở trên đỉnh

núi trượt chân một cái là nhào xuống vực sâu". Và Bác khích lệ mọi người:

*"Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí cũng làm nên!"*

Tất cả những lời Người dạy, có thể nói, đều bắt nguồn từ bài học đầu tiên do bà mẹ kính yêu truyền lại cho Người: "Học chữ để làm người".

*(Theo sách "Hồ Chí Minh tên Người sáng mãi",
"Chủ tịch Hồ Chí Minh hành trình kháng chiến",
"Theo bước chân Người")*

CUỐN SÁCH THỜI THƠ ẤU

Ngày còn nhỏ, ngồi trên ghế nhà trường, Bác Hồ và các bạn học cùng lứa chỉ được nhồi nhét những chuyện Bắc sử hoặc những gì xảy ra ở “nước mẹ” Gôloa xa xôi nào đó. Ngoài đời cũng vậy, việc truyền bá sử nước Nam đồng nghĩa với việc chối bỏ sự giáo dục của “nước mẹ” Đại Pháp - một điều bị liệt vào tội “lập hội kín”, nên ai cũng phải giấu kín.

Cũng thời ấy, khi tiếp khách, cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc thường cho phép Bác đứng bên, vừa để sai bảo, vừa để cho tiếp nhận dần những điều cần phải biết.

Trong các câu chuyện giữa cụ Phó bảng và bạn bè cụ, Nguyễn Sinh Cung thường nghe nói tới nỗi thống khổ, uất ức của người dân mất nước, những tấm gương nghĩa liệt của người Việt qua bao đời nay không cam chịu kiếp sống nô lệ, luôn vùng lên chống lại ách áp bức của ngoại bang... Với Cung, những điều được nghe ấy chẳng khác gì luồng gió mới, đầy sinh khí.

Một hôm, có người rủ tai nói nhỏ với Nguyễn Sinh Cung rằng tại một hiệu sách nhỏ ở Vinh, người ta đang bán một cuốn sử nước ta, hay lắm. Cung rủ mấy người bạn tin cẩn cuộc bộ mấy chục cây số từ Nam Đàn về Vinh để tìm mua cuốn sách đó.

Ông chủ hiệu sách thấy mấy cậu bé khôi ngô từ xa tìm đến hỏi sách, biết chắc đó là những người thực lòng muốn mở mang sự hiểu biết, nên sau khi quan sát thấy không có ai bám đuôi, đã nhẹ nhàng vào nhà trong lấy sách mang ra.

Cầm trong tay cuốn lịch sử của nước nhà, mắt mấy cậu bé Nam Đàn sáng lên. Nhưng niềm vui thật ngắn ngủi, vì sau khi vét tất cả tiền trong túi cũng không đủ để mua cuốn sách đó.

Sau một hồi lâu bần thần, tiếc nuối, Nguyễn Sinh Cung bỗng nảy ra sáng kiến nói thật với ông chủ hiệu sách là họ không đủ tiền mua sách, và xin ông được đọc tại chỗ.

Thấy mấy cậu bé thật thà van nài xin cho đọc tại chỗ, ông chủ hiệu sách động lòng trắc ẩn, vui vẻ cho phép họ vào nhà trong ngồi đọc.

Tận sau này, Bác Hồ vẫn còn nhớ mãi cái ngày cùng bạn bè ngồi trong căn nhà lá một phố nhỏ thành Vinh chụm đầu ngấu nghiêng đọc cuốn lịch sử nước nhà, cố ghi nhớ các mẫu chuyện ông cha ta đã anh dũng chống giặc ngoại xâm như thế nào. Trên đường học tập, nghiên cứu và chiến đấu, Bác Hồ không ngừng say mê tích lũy các kiến thức về sử học và nhớ mãi cuốn lịch sử nước Nam quý giá đọc thời thơ ấu. Có thể nói, đó là những hiểu biết ban đầu, làm cơ sở để sau này Bác giới thiệu lịch sử nước nhà.

Đặc biệt, năm 1941, Bác đã viết tập diễn ca, có tên là *Việt Nam lịch sử diễn ca*, dài 208 câu, được Việt Minh tuyên truyền Bộ xuất bản tháng 2-1942. Diễn ca mở đầu bằng câu:

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

"Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam".

Trong diễn ca, Người điểm lại dường như không thiếu một sự kiện lớn, một tên tuổi lớn nào trong lịch sử dân tộc, kể từ ngày Hùng Vương dựng nước "*Hồng Bàng là Tổ quốc ta*" cho đến "*Trước ngày khởi nghĩa Việt Nam bắt đầu*".

Phía cuối, sau diễn ca là một phụ lục, Bác ghi *những năm quan trọng*, gần như biên niên của 30 thời điểm, dấu mốc của những bước ngoặt lịch sử của đất nước. Ở dòng đầu, Bác viết: *Trước Tây lịch; năm 2879: Hồng Bàng* và dòng cuối: *1945: Việt Nam độc lập*.

Xin được nói rõ: tập diễn ca đã được viết trong thời điểm ấy, trong một hang sâu rừng núi, không tài liệu nghiên cứu, tham khảo, không chuyên gia để trao đổi, vậy mà Bác đã ghi rất chính xác các sự kiện lịch sử chính yếu của dân tộc. Nhờ đâu và bằng cách nào, nếu không phải là sự xuất thân của *một bộ óc mẫn tiệp, đầy nhạy cảm, một năng khiếu bẩm sinh được tinh luyện bằng ánh sáng từ trái tim một con người có bề dày tri thức và kinh nghiệm, thấm nhuần văn hóa cổ kim đông tây, có cả một quá trình quan sát, chiêm nghiệm thực tiễn cách mạng ở hàng loạt nước chính quốc và thuộc địa, sau mấy mươi năm bôn ba tìm đường cứu nước giải phóng dân tộc mình*.

Một điều rất đáng ngạc nhiên và khâm phục là, viết diễn ca này, giữa những đêm đông giá lạnh, tránh bọn lính đông di lòng càn tại vùng Pắc Bó, Bác Hồ của chúng ta đã tiên đoán ngày cách mạng thành công:

“45, sự nghiệp hoàn thành”

Đó là câu chuyện mà chúng tôi đã trình bày mấy năm trước trong cuốn *“Hồ Chí Minh nhà dự báo thiên tài”*.

Ở đây, chỉ nhấn mạnh khía cạnh về trí nhớ đặc biệt của Bác Hồ khi nhớ lại cuốn sách Bác đọc thuở nhỏ ở thành Vinh, như những cơ sở vững chắc trong quá trình Người tìm hiểu lịch sử dân tộc.

*(Theo sách “Hồ Chí Minh tên Người sáng mãi”
và “Hồ Chí Minh nhà dự báo thiên tài”)*

“CÀNG XA MỚI CÀNG NHỚ CHỨ!”

Hai tác phẩm cổ điển trong văn học Việt Nam là *Truyện Kiều* và *Chinh phụ ngâm* được Bác Hồ thuộc lòng và thường trích một số câu để ứng vào từng hoàn cảnh cụ thể trong cuộc đời hoạt động của Bác. Điều kỳ lạ là Bác xa nước từ năm 1911 (khi 20-21 tuổi), sau bao nhiêu năm bôn ba nơi chân trời góc bể, khi trở về nước, ở tuổi ngoài 50, Người vẫn thuộc *Kiều* và *Chinh phụ ngâm*. Trong những chuyến công tác trên núi rừng Việt Bắc, khi các chiến sĩ cùng đi tỏ ra mệt mỏi, Bác lại đọc *Kiều* và *Chinh phụ ngâm* để họ tiếp tục phấn khởi lên đường. Khi tiếp xúc ngoại giao, cần bày tỏ ý nghĩ, quan điểm một cách kín đáo, tế nhị, Bác cũng dùng những câu trong *Kiều* và được bạn rất thích thú.

*

* *

Qua những tư liệu đã được công bố, càng ngày chúng ta càng thấy rõ: Bác Hồ là một vị lãnh tụ cách mạng rất sành truyện *Kiều*. Chuyện kể rằng, năm 1930, một đêm nọ, tại Trung Quốc, Bác hỏi đồng chí Trần Phú:

- Đồng chí Lý ngủ hay thức đấy?

- Tôi mới chợt dậy à!

- Mình vừa có một giấc mơ về bên nhà.

Rồi Bác ngồi lặng yên trên giường, mắt nhìn vào màn đêm thăm thẳm. Lúc lâu, Người khe khẽ đọc:

"Tình sâu mong trả nghĩa dày

Hoa kia đã chấp cánh này cho chưa?

Môi tình đòi đoạן vô tư

Giấc hương quen luống ngẩn ngơ canh dài

Song sa vô vô hương trời

Nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng..."

Một chuyện khác: hồi hoạt động ở Thái Lan, một lần đi công tác với một cán bộ nữa, đi được nửa đường thì trời tối, Bác và người cán bộ đó ghé vào nhà một Việt kiều người Bắc, làm thợ mộc. Anh chị thợ mộc đón tiếp Bác rất niềm nở. Cơm nước xong, hai bác cháu đi nghỉ thì cũng vừa lúc chị chủ nhà ru cháu bé ngủ. Giọng chị ngâm *Kiều* rất hay. Hai bác cháu lắng nghe mê mải.

Sáng hôm sau, lúc đi đường, Bác đọc hai câu thơ:

"Xa nhà chốc mấy mươi niên,

Đêm qua nghe tiếng mẹ hiền ru con".

Nghe hai câu thơ ấy, có thể hiểu lòng Bác qua một đêm thổn thức với những câu *Kiều* đã thấm vào máu thịt mỗi người dân nước Việt. Thấm và trở thành "tiếng ru", đúng như Tố Hữu sau này viết:

"Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du

Tiếng thơ như tiếng mẹ ru những ngày

Hồi Người xưa, của ta nay

Khúc vui xin lại so dây cùng Người..."

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

Có những câu *Kiều* được Bác nhiều lần nhắc đến. Tháng 3 năm 1945, khi tiếp xúc với các đại biểu về dự Đại hội Tân Trào, Bác xúc động nói:

“Bây giờ mới thấy nhau đây

Mà lòng đã chắc những ngày một hai”.

Một đại biểu nói:

- Bác xa nước lâu thế mà vẫn nhớ *Kiều*!

Người cười, đáp lại:

- Càng xa mới càng nhớ chứ!

Tháng 8 năm 1960, khai mạc Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, Bác cũng dùng trọn hai câu ấy:

“Bây giờ mới thấy nhau đây

Mà lòng đã chắc những ngày một hai”.

Khi đón Tổng thống Indônêxia Xucác-nô cũng như đón Tổng thống Ghinê Xêcu Turê, Bác nói:

“Bây giờ mới gặp nhau đây

Mà lòng đã chắc những ngày thanh niên”.

Và, khi tiễn các vị khách quý lên máy bay, Người đọc hẳn một câu *Kiều* với tình cảm lưu luyến:

“Cánh hồng bay bổng tuyệt vời

Đã mòn con mắt phương trời dăm dăm”.

Một ví dụ khác: trong dịp về thăm quê sau bao năm xa cách, Bác đã xúc động nói:

“Quê hương nghĩa nặng tình sâu

Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình”.

Chính dịp ấy, Bác đi máy bay lên thẳng ra biển, rồi vào miền Trung, quăng Cửa Lò. Ngồi trên máy bay, nhìn thấy bà con dân chài đánh cá, Bác khẽ vỗ vai đại tá Đặng Tính - Chính uỷ quân chủng phòng không - không quân - ngồi bên và đọc *Kiều*:

*“Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa”.*

Đại tá Đặng Tính xin phép Bác được đọc tiếp hai câu, theo lối họa *Kiều*:

*“Bác về thăm lại quê nhà
Năm mươi năm ấy bây giờ là đây”.*

Một chiến sĩ khác (trong tổ lái) biết Bác giỏi *Kiều*, cũng xin phép Bác họa tiếp:

*“Bác đi gian khổ những ngày
Bác về cờ đỏ tung bay rợp trời
Bác đi, đồng ruộng của người
Bác về, rừng núi đất trời của ta”.*

*

* *

Mở đầu *Truyện Kiều* là câu: “Trăm năm trong cõi người ta...”. Trong một cuộc gặp vui trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, trên đất khách quê người, Bác đã hát:

*“Trăm năm trong cõi người ta
Có lòng yêu nước mới là người Nam”.*

Năm 1946, sang thăm chính thức nước Pháp, với tư cách là thượng khách nước này, Bác đã có dịp thăm và nói chuyện với bà con Việt kiều ta tại Pari. Kết thúc buổi nói chuyện, Bác đọc hai câu *Kiều*:

*“Gìn vàng giữ ngọc cho hay
Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời”.*

Bà con Việt kiều lắng nghe với sự xúc động sâu sắc và hiểu rằng: ở xa Tổ quốc, dù ở phương trời nào, cũng phải xứng đáng là con Hồng, cháu Lạc.

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

Nữ sĩ Hằng Phương sau Cách mạng tháng Tám đã gửi cam lên biểu Bác, được Bác cảm ơn bằng hai câu:

*“Ăn quả nhớ kẻ trồng cây
Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai”.*

Hai câu thơ ấy làm ta nhớ đến câu *Kiều*:

*“Trẻ vui bởi tận lòng này,
Hay là khổ tận đến ngày cam lai?”*

Đọc sách *“Vừa đi đường vừa kể chuyện”* chúng ta được tác giả T.Lan cho biết: Bác đã dạy cho các chiến sĩ học nhiều đoạn trong *Kim Vân Kiều* và *Chinh phụ ngâm*. Và trong khi kể chuyện, Bác nhiều lần “tập *Kiều*”. Chẳng hạn, về những ngày ở Hồng Kông, Bác nói:

“Khi bị bắt giam, trong tâm trạng chỉ có một điều là lo. Không phải lo số phận mình sau này sẽ ra sao, vì sẵn biết rằng kết quả cuối cùng chỉ có thể: hoặc là sẽ bị bọn thực dân thủ tiêu; hoặc là sẽ thoát khỏi xiềng xích, trở lại hoạt động cách mạng. Lo là lo những công việc mình làm chưa xong, ai sẽ tiếp tục làm thay? Ít nhiều kinh nghiệm mình đã gom góp được, làm thế nào để truyền đạt cho các đồng chí khác?”

Hết lo việc này, lại lo việc khác, cứ lo mãi, không sao giải quyết được, cho nên - như Bác nói:

*“Ngổn ngang trăm mối bên lòng
Ngủ không yên giấc, ăn không ngon mồm”.*

Câu trên hoàn toàn là một câu *Kiều* (câu thứ 183), còn câu sau là của Bác. Khác với hai câu: *“Quê hương nghĩa nặng tình sâu / Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình”* câu trên là của Bác, còn câu dưới là lấy từ trong *Truyện Kiều*:

“Những là rày ước mai ao

Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình”

Cũng trong “Vừa đi đường, vừa kể chuyện”, khi nói đến bọn phát xít Đức - Ý - Nhật khoe khoang và huênh hoang, tưởng rằng chúng là vô địch. Bác đọc hai câu để diễn đạt cái ý trên kia:

“Tung hoành châu Á, châu Âu

Doc ngang nào biết trên đầu có ai!”

Trong *Kiểu*, nguyên văn là:

“Chọc trời quấy nước mặc dầu

Doc ngang nào biết trên đầu có ai?”

Nói về những vấn đề chính trị, nhưng cái phong vị “tập *Kiểu*” rất Việt Nam này giúp người nghe mau chóng tiếp nhận một cách sâu sắc, sẽ rất khó quên. Lại nhớ, năm 1958, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Xôviết tối cao Liên Xô (cũ) Vôlôxilốp sang thăm nước ta. Trong bối cảnh lúc đó, chủ nghĩa xét lại hiện đại bị những người cộng sản quốc tế công kích mạnh mẽ, và đã có những bất đồng lớn giữa các đảng cộng sản. Chủ tịch Vôlôxilốp muốn biết thái độ của Đảng Lao động Việt Nam trước vấn đề này. Đó là việc tế nhị, không thể bộc lộ bằng văn bản hoặc bằng cách diễn đạt trực tiếp. Khó thật, nhưng Bác Hồ đã đáp ứng yêu cầu của bạn bằng *Truyện Kiểu*... Chuyện kể lại rằng, sáng hôm sau, đoàn bạn lên đường về nước thì tối hôm trước Bác cho mời một nhóm văn công vào Phủ Chủ tịch biểu diễn nghệ thuật. Bác ngồi trên chiếc ghế mây, đặt giữa, một bên là Chủ tịch Vôlôxilốp, một bên là Thủ tướng Phạm Văn Đồng, đối diện là các diễn viên. Nhóm diễn viên có cả nam cả nữ, trong đó có một cô

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

ôm đàn áccoócdêông. Sợ thất lễ, các cô muốn lùi xuống sau để diễn viên nam đứng trước. Thấy vậy, Bác đứng dậy bước đến. Bác bảo cô gái ôm đàn đứng giữa, các cô khác đứng hai bên, còn các diễn viên nam đứng sau. Rồi, quay trở lại, trước khi ngồi xuống ghế, nhìn Chủ tịch Vôlôxilốp, Bác đọc hai câu *Kiều*:

"Đã nguyên hai chữ đồng tâm

Trăm năm thế chẳng ôm cầm thuyền ai".

Được định lại ý tứ, Chủ tịch Vôlôxilốp hiểu ý nghĩa sâu sắc của hai câu *Kiều*, đã đứng dậy ôm hôn Bác thắm thiết và các vị có mặt đều cười vui vẻ.

Câu thơ trong *Kiều* "*Mười lăm năm ấy...*", được Bác lấy khi về thăm quê thânh "*Năm mươi năm ấy...*", còn khi kỷ niệm Đảng tròn 30 tuổi - một sự kiện chính trị lớn - Bác lại lấy thành:

"Công ơn Đảng như bể rộng non cao

Ba mươi năm ấy biết bao nhiêu tình".

Truyện Kiều có hai câu:

"Còn non, còn nước, còn dài

Còn về, còn nhớ đến người hôm nay".

đã được Bác họa lại trong Bản Di chúc thiêng liêng:

"Còn non, còn nước, còn người,

Tháng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay".

Còn có biết bao câu thơ trong các bài nói, bài viết của Bác mang phong vị *Kiều* như:

"Tiễn đưa nhớ buổi hôm nay

Vui mừng xin hẹn ngày này tháng sau".

hoặc:

"Chúng ta đoàn kết một nhà

Ấy là nghĩa nặng, ấy là tình sâu".

hoặc:

*“Quan sơn muôn dặm một nhà
Bốn phương vô sản đều là anh em”.*

Đọc “*Bài ca sợi chỉ*” của Bác, trong đó có câu “*Yêu nhau xin nhớ lời nhau / Việt Minh hội ấy mau mau tìm vào*”, ta nhớ đến câu *Kiều*: “*Thương nhau xin nhớ lời nhau / Năm châu cũng chẳng đi đâu mà châu*”. Cũng trong bài ấy, Bác viết: “*Xưa tôi yếu ớt vô cùng / Ai vò cũng đứt, ai rung cũng rời*”, ta liền tưởng đến câu: “*Trơ như đá vững như đồng / Ai lay chẳng chuyển ai rung chẳng rời*”.

Về nội dung, hai câu dưới, có sự đối lập, song, khuôn nhịp và âm hưởng đã gipú người đọc dễ hiểu, nhớ lâu. Như vậy, Người đã vận dụng *Kiều* vào công tác tuyên truyền cách mạng. Cũng thế, câu: “*Trong tay đã sẵn sàng rồi / Quyết quay đánh Nhật đánh Tây mới đành*” làm ta nhớ đến *Kiều*: “*Trong tay đã sẵn đồng tiền / Dầu rằng đổi trắng thay đen khó gì!*” (Câu *Kiều* này mỉa mai sức mạnh đổi trắng thay đen của đồng tiền, trong khi đó câu thơ của Bác được cải biên nhằm thức tỉnh binh lính đánh lại thực dân Pháp và phát xít Nhật).

Ngay trong bài thơ “*Đi thuyền trên sông Đáy*”, hai câu “*Lòng riêng, riêng những bàn hoàn / Lo sao khỏi phục giang san Tiên Rồng*” của Bác chứa đựng nội dung cách mạng rất sâu sắc, vẫn làm ta thấy phảng phất câu *Kiều*: “*Nỗi riêng, riêng những bàn hoàn / Dầu chong trắng đĩa lệ tràn thấm khăn*”...

Ngay trong văn xuôi, Bác Hồ cũng đã sử dụng *Kiều*. Chẳng hạn, mở đầu chương IV bài “*Kinh nghiệm du kích Tàu*”, Bác viết để kể câu chuyện một

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

bà mẹ du kích Trung Quốc từng lập những chiến công đặc sắc.:

“Đàn bà dễ có mấy tay

Đời xưa mây mặt, đời này mấy gan”

Câu Kiều “Mười lăm năm ấy...” mà chúng ta nhắc nhiều lần trên kia qua những trường hợp khác nhau, còn được Bác sử dụng trong bài nói tại lễ bế mạc kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khoá II. Sau khi so sánh tình hình thế giới, Người nói: “So sánh bản đồ thế giới ngày nay với 15 năm trước thì ai cũng thấy rõ ràng:

“Phe địch xuống dốc, phe ta lên cao

Mười lăm năm ấy, biết bao nhiêu tình!”

(Theo sách “Bác Hồ như chúng tôi đã biết”
và các tư liệu khác)

“CHÚ ĐI LÂU MÀ CHÚ NHỚ TÀI THẾ?”

Tháng 11 năm 1946, ông Cả Khiêm (anh ruột của Bác Hồ) cùng hai người cháu là Hồ Quang Chính và Nguyễn Sinh Thọ đến Bắc Bộ phủ thăm Bác Hồ. Ba ông cháu được các cán bộ giúp việc ở Bắc Bộ phủ mời lên tầng hai ngồi đợi ở phòng bên, kế phòng Bác Hồ làm việc. Đó cũng là căn phòng cách đây một tuần Bác đã gặp và trò chuyện với bà Thanh (chị ruột Bác Hồ) mà Hồ Quang Chính và Nguyễn Sinh Thọ cũng đã được dự.

Khoảng 10 phút sau, tức lúc gần 11 giờ 30 phút (ngày 3-11-1946) cánh cửa phòng làm việc của Bác Hồ từ từ mở. Bác Hồ vẫn đôi mắt sáng ngời và hiền từ, trong bộ kaki vàng, bạc màu, đi thẳng về phía ba ông cháu. Ông Cả Khiêm chạy lại ôm chầm lấy Bác Hồ, nét mặt cảm động và giọng cười khoan khoái. Ông hỏi:

- Chú, chú Cung, chú có khỏe không? Anh em mình xa nhau lâu quá!

Chòm râu của Bác Hồ rung rung vào má ông Khiêm, nét mặt Bác Hồ cũng rất cảm động, nhưng vui tươi. Bác hỏi:

- Anh mới ra, anh khỏe không? Quý hoá quá...

Bác hỏi thăm bà Thanh về quê ra sao rồi mời ông Khiêm hút thuốc lá. Ông Khiêm hươ tay không nhận:

- Tôi hút thuốc lá Cẩm Lệ quen rồi, thuốc đó nhẹ để chú dùng.

Bác Hồ cười và đọc một câu thơ:

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

“Chốc đà mười mấy năm trời

Còn non, còn nước, còn người hôm nay”

Ông Khiêm nói:

- Hôm nay ông cháu đến thăm chú, tôi mang biếu chú ít quả cam Xã Đoài.

Bác Hồ cười vui. Người chớp chớp mắt, yên lặng và hỏi anh mình về tình hình Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, huyện Nam Đàn quê hương, về các hoạt động của chính quyền và các đoàn thể ở địa phương. Bác hỏi thăm đời sống, công việc của một số người thân và bạn bè hồi niên thiếu của Bác. Ông Khiêm lần lượt trả lời và nói:

- Chú đi lâu mà chú nhớ tài thế?

Liên đó, Bác hỏi ông Khiêm:

- Anh còn nhớ chuyện Khơm Công không?

Và Người nói luôn:

- Chẳng những mình Khơm Công mà hàng chục triệu đồng bào hồi đó cũng “khơm công”.

“Khơm Công” là tên ông Khiêm và Bác Hồ từ bé, nói chệch đi một tí theo giọng địa phương là Khơm và Công, “khơm công” nói lái là “không cơm”, ý nói thời niên thiếu của Bác và gia đình cụ Phó bảng Sắc túng thiếu.

Trong câu chuyện, ông Cả Khiêm hỏi Bác Hồ:

- Chú có ý định lúc nào về thăm quê?

Bác Hồ thông thả trả lời:

- Về đến đây cũng là về đến nhà rồi, tình hình và công việc thế này chưa cho phép nghĩ tới, chắc việc đó còn lâu.

Đúng như lời dự đoán của Bác Hồ, mãi 11 năm sau, cũng là ngày chủ nhật (16-5-1957), Bác Hồ mới trở về thăm quê lần đầu tiên.

*(Theo sách “Chuyện kể bên mộ bà Hoàng Thị Loan”
và một số sách khác)*

NHỮNG KỶ NIỆM VỀ BUỔI ĐẦU GẶP BÁC

Ông Hoàng Quốc Việt từng là một trong những học trò xuất sắc và bạn chiến đấu thân thiết của Bác Hồ. Trên cương vị Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng từ năm 1941, Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng từ năm 1951, Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam..., ông đã có những cống hiến to lớn vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta.

Lâu đầu ông được gặp Bác là vào mùa xuân năm 1941 tại Cao Bằng, khi cùng các nhà cách mạng Hoàng Văn Thụ, Trường Chinh... đi dự Hội nghị Trung ương Đảng. Theo ông cho biết, chuyến đi này từ Bắc Ninh lên Cao Bằng là một trong những chuyến đi vất vả nhất của đời ông. Sự nghiệt ngã của thiên nhiên làm cho một số vị phải “xuống cấp” sức khỏe. Tuy nhiên, một niềm hy vọng lớn đã xua tan đi mọi vất vả, nhọc nhằn: sẽ được gặp Bác Hồ.

Đến Cao Bằng, một vị trong Tỉnh ủy nói:

- Ông Ké biết tin, đang đợi các đồng chí.

Ông Việt và các đồng chí của mình được liên lạc dẫn theo đường rừng, lên lên xuống xuống những đám ruộng bậc thang, men theo bờ suối vòng vào, bước trên bãi sỏi sột soạt, “nhảy cóc” trên những phiến đá nhấp

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HIỂ

nhỏ. Một con đường nhỏ, lượn quanh khuất nẻo, con đường dẫn đến hang Cốc Bó, nơi Bác Hồ đang ở. Một ông già mặc áo chàm, vai vắt khăn, cao cao, gầy gầy, vầng trán cao, đôi mắt sáng, chòm râu thưa đang đi tới. Ông Lý (Hoàng Văn Thụ) nói nhỏ với mọi người:

- Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đây!

Trong số những người từ miền xuôi lên, chỉ có Hoàng Văn Thụ biết Bác, vì trước đó mấy tháng, ông đã sang Trung Quốc gặp Bác. Bác bắt tay mọi người. Giây phút đầu tiên gặp Bác, ông Việt hơi lúng túng trong cách xưng hô và tự nhiên bật lên câu:

- Chào đồng chí ạ!

Bác cười. Sau này, ở Việt Bắc cũng như về Hà Nội, đôi lần gặp nhau, Bác vẫn nhắc lại chuyện cũ:

- Chú Việt lúc ấy chào mình bằng câu: Đồng chí ạ!

Đôi với ông Việt, đó là một kỷ niệm đẹp, không bao giờ quên.

Khi biết rõ họ tên thật của ông Việt là Hà Bá Cang, Bác nhớ ngay đến hồi đầu năm 1931 - tức là đã 10 năm trước Bác nhận được bản báo cáo từ trong nước gửi sang, nói về vụ Kiến An, trong đó có ông Việt. Nhìn ông Việt trong giấy lát, Bác cười nói:

- Hồi ấy báo cáo gửi sang, bản đánh máy lại không có dấu, cho nên tôi đọc đoán là Hà Bá Cang.

Bác cố nhấn mạnh hai chữ "Hà Bá" mà lướt nhẹ chữ "Cang" làm cho mọi người đứng đấy cười ầm lên, phá tan cái không khí trang nghiêm, do dự lúc ban đầu.

Sau câu pha trò của Bác, mọi người rất vui, phấn chấn tinh thần, xoắn xuýt bên Bác.

*(Theo sách "Con đường theo Bác"
và "Nhân dân ta rất anh hùng")*

BÁC HỒ TÓM TẮT TRUYỆN TÂY DU KÝ

Năm 1952, khi lớp chính Đảng Trung ương khoá I đi vào giai đoạn kiểm điểm, thì một tối nọ, “để thư giãn đôi chút”, Bác Hồ mời anh em lên hội trường “nói chuyện cho vui”.

Khi ai nấy đã ngồi vào ghế chính tể, Bác hỏi mọi người xem những ai đã đọc truyện Tây du ký. Hầu như chưa ai đọc.

Bác đề nghị một ai đó xung phong lên kể lại tóm tắt trong vòng 15 phút, sau đó rút ra bài học tư tưởng.

Hội trường đang xôn xao bỗng im lặng. Ai nấy nhìn nhau, nhưng không một ai dám xung phong lên nói. Một đồng chí nhấm nháy chỉ vào đồng chí Tôn Quang Phiệt đang ngồi ở hàng ghế đầu. Thế là cả hội trường liền nhất trí tán thành đề cử đồng chí Tôn thay mặt anh em thực hiện yêu cầu của Bác nêu ra.

Bị “bỏ bom”, đồng chí Tôn Quang Phiệt đứng lên, lúng túng, nhiều lần vừa gãi đầu gãi tai vừa nói mấy câu mào đầu chẳng đâu vào đâu.

Bác Hồ bắt chước, lặp lại các động tác lúng túng vụng về và những lời nói lắp bắp của đồng chí Tôn, khiến cho cả hội trường rộ lên từng đợt cười vui vẻ.

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

Sau bốn lần đồng chí Tôn Quang Phiệt nói lời mào đầu không thành, Bác Hồ chấp nối lại thành một khổ thơ “tứ tuyệt”:

*“Thưa Bác, thưa các đồng chí
Bác bảo tôi kể Tây du ký
Nhưng sách đọc lâu rồi
Tôi xin kể một tí...”*

Hội trường lại cười rộ lên. Ngay đồng chí Tôn cũng cười chảy cả nước mắt.

Những câu nói đùa của Bác làm cho không khí trong hội trường trở nên thoải mái, vui vẻ. Sự e dè ban đầu của đồng chí Tôn Quang Phiệt cũng biến mất. Đồng chí bắt đầu ‘nhập cuộc’ đứng lên thao thao kể hết đoạn này tới đoạn khác trong truyện Tây du ký.

Với trí nhớ tuyệt vời, đồng chí Tôn Quang Phiệt thuật lại khá tỉ mỉ từng tình tiết hấp dẫn: Nào là chuyện Đường Thái Tông chọn Đường Tam Tạng sang Tây Trúc lấy kinh ra sao, chuyện Đường Tăng gặp Tôn Ngộ Không khi hắn bị giam hãm dưới núi Ngũ Hành đã năm trăm năm như thế nào...

Mọi người bắt đầu thấy sốt ruột. Có người soi đồng hồ xem giờ. Có người ra hiệu cho đồng chí Tôn biết là đã quá 15 phút rồi... Nhưng đồng chí Tôn Quang Phiệt không để ý, cứ say sưa kể tiếp hết chuyện Đường Tăng bị mất áo cà sa, lại đến chuyện Tôn Hành Giả náo loạn động Hắc Phong, chuyện Quan Thế Âm Bồ Tát thu phục yêu tinh gấu...

Đến lúc này thì mọi người không còn “giữ ý” nữa, mà xôn xao lên tiếng yêu cầu đồng chí Tôn nói ngắn gọn lại.

Đồng chí Tôn Quang Phiệt lại lần nữa gãi đầu gãi tai, kêu “khó quá” và quay sang cầu cứu Bác Hồ.

Cả hội trường nhất trí mời Bác Hồ tóm tắt truyện Tây du ký và rút ra bài học tư tưởng. Bác Hồ thông thả tiến đến bắt tay và khen ngợi đồng chí Tôn Quang Phiệt có trí nhớ tốt,... nhưng vì thời gian có hạn, nên cần tóm tắt đủ để mọi người có thể rút được bài học cần thiết.

Bác giải thích về phương pháp “tóm tắt” chẳng khác gì người tìm hiểu về rừng. Nếu không tách ra xa, hoặc vượt lên trên quan sát, thì khó có thể có được cái nhìn bao quát.

Mãi nghe Bác phân tích, mọi người không để ý là Bác Hồ đã “tóm tắt” truyện Tây du ký từ lúc nào. Bác nói Đường Tăng là người nhân hậu, thương người, không chấp nhận chuyện áp bức trong xã hội, nên đã cùng với mấy đệ tử của mình sang Tây Trúc lấy kinh. Họ đã trải qua 14 năm, tức 5048 ngày để vượt qua chặng đường mười vạn tám nghìn dặm, với 81 khổ nạn để mang được bộ Kinh Phật về để giác ngộ cho dân.

Trong chuyến đi ấy Đường Tăng được nhiều người giúp đỡ, trong đó đặc biệt phải kể đến Tôn Ngộ Không.

Tôn Ngộ Không tài giỏi với nhiều phép thần thông biến hóa, nhưng tu hành chưa triệt để. Phật Bà Quan Âm đã phải dùng đến vòng kim cô để không chế, nhưng hắn vẫn chưa... “tâm phục”.

Bởi vậy, có lần Tôn Ngộ Không biến hóa thành một ngôi miếu cổ, định để bẫy kẻ thù, nhưng cái đuôi lại lòi ra. Ngộ Không đã phải cố gắng biến cái đuôi ấy thành một lá cờ, mà vẫn bị kẻ thù phát hiện. Chính vì

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

“lá-cờ-duôi” cắm ở sau miếu ấy mà suýt nữa Tôn Ngộ Không mất mạng...

Trong vòng 7, 8 phút Bác Hồ đã tóm lược ý chính của truyện Tây du ký là tinh thần thực hiện triệt để mục tiêu công việc của Đường Tam Tạng, và muốn có kết quả thật tốt phải trau dồi tài đức song song: Tôn Ngộ Không tuy rất tài giỏi nhưng do tu luyện chưa triệt để nên “cái đuôi chủ nghĩa cá nhân” suýt nữa làm hỏng việc lớn.

Mọi người ô lên võ lễ. Bài toán tưởng như khó giải, lại đã được Bác Hồ trình bày quá đơn giản.

Ai nấy đều hả hả vui mừng. Máy đồng chí trẻ hay “tếu” liền kiểm tra người ngồi bên xem có phải “cùng họ” với Hành Giả hay không.

Câu chuyện về cái đuôi Tôn Hành Giả xen lẫn tiếng cười còn theo chân học viên lớp chỉnh Đảng về tận từng lán nhỏ của họ trong đêm.

(Theo sách “Hồ Chí Minh tên Người sáng mài”)

TỪ CÂU CHUYỆN CỦA BÁC HỒ VỚI NHÀ BÁO ĐỨC PHABE

Nhà báo Phrânxơ Phabe (Franz Fabev) là một trong những cán bộ thuộc giới báo chí và văn nghệ của Cộng hoà Dân chủ Đức sang Việt Nam ngay sau khi chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc. Hồi ấy, ông là Uỷ viên Ban biên tập báo *Nước Đức mới* (Neues Deutschland) cơ quan trung ương của Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức và được cử dẫn đầu một đoàn cán bộ gồm năm nhà văn, nhà báo và nhà điện ảnh sang công tác ở Việt Nam từ tháng 11-1954 đến tháng Giêng 1955.

Hai tháng sau khi đặt chân tới Việt Nam, ông rất xúc động nhận được thông báo sau đây của Vụ báo chí Bộ ngoại giao nước ta:

“Nếu đồng chí muốn đi theo Hồ Chủ tịch lên K thì ngày mai, 5 giờ sáng, đề nghị đồng chí đợi chúng tôi ở ngã tư T.Đ. trên đường đi Tuyên Quang”.

Như ông cho biết, ông rất xúc động và vui sướng vì mong ước được gặp Hồ Chủ tịch đã sắp được thực hiện. Ông viết trong sách *“Sông Cái rực hồng”*:

“Tôi ao ước có ngày được gặp Bác Hồ, vị lãnh tụ vô cùng kính yêu của nhân dân Việt Nam, và sẽ viết một bài về Người. Ở Cộng hoà Dân chủ Đức, trước đó cũng

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

đã có người giới thiệu về cuộc đời và sự nghiệp của Bác, nhưng thường là mang tính chất tiểu sử, tư liệu. Chúng tôi biết rõ Người đã từng hoạt động bí mật ở Đức, từng có quan hệ mật thiết với các lãnh tụ của phong trào công nhân Đức như Clara Xéc Kin, Vinhem Pích, Tenlơman... Tôi nghĩ rằng, chắc hẳn Người có nhiều kỷ niệm và những mối thiện cảm với nhân dân Đức...”

Chuyên công tác của Bác Hồ mà Phabe được đi theo là để Người đến thăm và huấn thị một hội nghị của các cán bộ cải cách ruộng đất. Qua hội nghị ấy, lần đầu tiên ông được chứng kiến tình cảm kính yêu vô hạn của cán bộ Việt Nam đối với vị lãnh tụ của mình cũng như tác phong giản dị, gần gũi quần chúng của Người. Sau hội nghị ấy, trên đường đi thăm một số làng quê bên sông Hồng, Bác Hồ đã đề nghị mọi người cùng đi đến nghỉ và ăn sáng trên một ngọn đồi. Ông thấy một vài cán bộ phục vụ đang trải khăn ra dọn ăn. Bác Hồ ngồi bên một gốc cây thông. Lúc này Phabe mới dám đến gần Người. Bác Hồ mỉm cười chào ông bằng tiếng Đức:

- Mời đồng chí ngồi xuống đây!

Những người khác cũng quây quần bên Người. Bữa ăn sáng thật đơn giản: cơm nắm với một ít trứng và cá nướng. Phabe cũng lấy thức ăn mang theo, nhưng Bác Hồ bảo ông cùng ăn với Người.

Thoạt tiên Bác Hồ nói chuyện với ông bằng tiếng Pháp. Dần dần, như nhớ lại được nhiều từ hơn, Người nói bằng tiếng Đức. Cảm nghĩ của Phabe lúc đó là: giữa một vùng quê Việt Nam hùng vĩ, được nghe vị lãnh tụ cách mạng Việt Nam nói tiếng nói của dân tộc

Đức, Phabe không khỏi xúc động. Người cho ông biết: Người đã học từ tiếng Đức đầu tiên do chính bà Clara Xéc Kin, lãnh tụ của phong trào cộng sản Đức và phong trào phụ nữ quốc tế năm 1920 tại Đại hội Tua. Và trong giây phút ấy, ông nghĩ về quê hương, nơi hàng chục năm về trước Bác Hồ đã đặt chân tới. Ngày còn thanh niên, tham gia hội du lịch, Bác Hồ đã tới Béclin. Người nói rằng, lúc đó Béclin và toàn nước Đức đang lâm vào nạn đói khủng khiếp. Nạn lam phát thật ghê gớm. Nhưng Người khen Béclin là thành phố lớn và sạch sẽ. Có điều, kiểu kiến trúc quá nặng nề. Vườn “Raixthác” (Reichstag) toàn những tượng là tượng, giống như một cửa hàng bán tượng. Cảm nhận của Người là nhân dân siêng năng, thân mật, quả cảm, làm việc có kế hoạch.

Sau này, sang công tác ở Đức theo ủy nhiệm của Quốc tế Cộng sản, Bác Hồ chỉ ở Béclin một thời gian ngắn vì cảnh sát truy lùng rất gắt gao. Những người cách mạng Đức đã bố trí Người đến ở các vùng Noikhoen (Neukoeln), Vếtđinh (Wedding) và sau cùng xuống Semnítxơ (Chemnitz). Vùng này yên ổn hơn, phong trào công nhân mạnh. Người nhắc đến Vinhem Pích, vị Chủ tịch đầu tiên của Cộng hoà Dân chủ Đức, với một tình cảm đầm thắm. Đưa mắt nhìn ra xa, rồi Người quay lại nói với Phabe:

- Phong trào công nhân Đức là cả một lực lượng mạnh!

Đang trong niềm tự hào trước nhận định của Bác Hồ về giai cấp công nhân Đức, Phabe bỗng ngạc nhiên khi Người hỏi ông với nụ cười hiền hậu:

- Ở Béclin, bia “bốc” còn ngon như trước không?

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

Ông ngạc nhiên và bật cười, bởi vì sau mấy chục năm trời, Bác Hồ vẫn còn nhớ đến loại bia mạnh có tiếng bên Đức. Người cho biết: khi ở Béclin, Người thường đến ăn tại tiệm "Asinhngơ" (Aschinger), một tiệm ăn rẻ tiền, giá mỗi bữa chỉ 20 xu, thường có món xúp đậu, còn bánh mì thì để trong một cái đĩa to đặt giữa bàn, ăn thoải mái, không phải tính tiền. Tiệm ăn này đông khách lắm, phần lớn là sinh viên và người nghèo. Thỉnh thoảng Bác Hồ có mua một cốc bia "bốc" để uống.

Sau này, sang làm phóng viên thường trú cho Thông tấn xã ADN và báo Đảng, Phabe còn được nghe Bác Hồ kể nhiều chuyện về nước Đức thời xa xưa. Ông rất khâm phục trí nhớ kỳ lạ và cách kể chuyện dí dỏm của Người.

(Theo sách "Người là Hồ Chí Minh")

“BÂY GIỜ CHIẾC MŨ LẠI TRỞ VỀ VỚI CHỦ CỦA NÓ!”

Trước đây, trong ảnh hoặc trong phim thời sự, ta thấy Bác Hồ thường đội một cái mũ kiểu nón cối vành rộng, đánh phấn trắng. Chiếc mũ đã rất cũ. Nắng mưa làm cho mũ phai hết phấn trắng, ngả sang màu nâu, có khi để lộ ra lớp vải phủ.

Tháng 7-1955, dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Nhà nước đi thăm Trung Quốc, Liên Xô và một số nước anh em khác, Bác vẫn dùng chiếc mũ ấy. Có người đề nghị sắm cho Bác chiếc mũ mới, nhưng Bác không chịu. Bác bảo đem chiếc mũ rất cũ ấy giặt sạch và đánh phấn trắng. Khi cầm chiếc mũ được đánh phấn trắng tinh, Bác vui lắm. Người nói:

- Cái cũ bỏ đi thì uống. Cái gì cũ kỹ mà ta biết giữ gìn, sửa sang thì cũng thành cái mới.

Quả thật, được sửa sang, làm đẹp lại, chiếc mũ ấy trông khác hẳn, không cũ như khi Bác dùng đi thăm các địa phương, các đơn vị bộ đội, tham gia chống hạn ở Hà Tây... Hôm Bác tới Bắc Kinh, Chủ tịch Mao Trạch Đông, Phó Chủ tịch Tổng Khánh Linh đã ra đón. Bác cùng lên xe mui trần với bà Tổng Khánh Linh. Người cũng vẫy mũ đáp lại nhiệt tình mến

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

khách của nhân dân đứng hai bên đường vây cờ, hoa chào đón Người và các vị cùng đi.

Trời tháng 7, nắng to. Bà Tống Khánh Linh đầu trần, còn Bác thì vẫn đội chiếc mũ trắng ấy. Thấy vậy, Bác bèn giở mũ ra, chụp lên đầu bà Tống Khánh Linh và nói:

- Bây giờ chiếc mũ lại trở về với chủ của nó!

Thì ra, đó chính là chiếc mũ bà Tống Khánh Linh tặng Bác năm 1927 ở Thượng Hải, khi Người từ Quảng Châu lên đường trở qua Liên Xô vì bọn Quốc dân đảng Trung Quốc phản bội cách mạng, truy bắt những người cách mạng, trong đó có Nguyễn Ái Quốc. Nào ai ngờ, đó là vật kỷ niệm của người bạn chiến đấu tặng Người và Người đã giữ gìn, sử dụng ngót 28 năm qua! Hẳn rằng, bà Tống Khánh Linh rất ngạc nhiên là Bác giữ gìn và nhớ lâu món quà nhỏ đến thế!

(Theo sách "Hồ Chí Minh cứu tinh dân tộc Việt")

“SAO NGƯỜI LẠI NHỚ LÂU ĐẾN THẾ!”

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Bác Hồ có cuộc gặp mặt với các nhà văn, nhà báo nước ngoài đã tham gia chiến dịch. Người dùng tiếng Nga, tiếng Pháp hỏi thăm tình hình sinh hoạt, sức khỏe của mọi người. Khi giới thiệu đến nhà văn Đới Hoàng, Người dùng tiếng Trung Quốc thân thiết hỏi:

- Ở Điện Biên Phủ, làm sao đồng chí lại ngã ngựa thế, giờ đồng chí đã khỏi chưa?

Trong sách *Ấn tượng về Chủ tịch Hồ Chí Minh*, nhà văn Đới Hoàng viết: *“Khi nghe hỏi thế, tôi không hề ngạc nhiên vì đối với ai, Người cũng có tâm lòng của người mẹ hiền. Nhưng tôi không khỏi không cảm động: một chuyện nhỏ như thế mà sao cũng lọt đến tai Người và Người lại nhớ lâu đến thế!”*

(Theo sách “ Hồ Chí Minh nhà văn hóa kiệt xuất”)

“BỆNH DA DÀY CỦA ĐỒNG CHÍ ĐÃ ĐỖ CHƯA?”

Cụ Mác Raiman, cố Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đức (tức Đảng KPD ở Cộng hoà Liên bang Đức cũ - T.Đ.) đã từng gặp Bác Hồ nhiều lần, chủ yếu là tại các cuộc hội đàm của những người đứng đầu các Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế cũng như tại các Đại hội của Đảng Cộng sản Liên Xô.

Tháng Giêng năm 1976 - Lúc đó tôi là phóng viên của Thông tấn xã Việt Nam thường trú tại Béclin - đã may mắn được gặp cụ Mác Raiman nhờ sự sắp xếp của Trung ương Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức. Lúc này cụ đã 78 tuổi, song vẫn đi lại bình thường và có trí nhớ tuyệt vời. Trong câu chuyện dài cùng chúng tôi, cụ Mác Raiman nói:

- Đối với chúng tôi, những người còn hoạt động âm thầm ngay giữa lòng xã hội tư bản, đồng chí Hồ Chí Minh luôn luôn dành cho những tình cảm anh em vô cùng thấm thiết. Cứ mỗi lần gặp Người, các đồng chí Tôgliatti, Tô-rê và tôi lại cảm thấy vui mừng kỳ lạ. Chúng tôi gọi Người một cách trìu mến là “người đồng chí từ phương Đông”. Ở đồng chí Hồ Chí Minh dường như lúc nào cũng toả ra một tình cảm ấm áp, một sự thông cảm đầy tinh thần cộng sản. Và chỉ bằng ấy

thôi cũng đủ sức thu hút và hấp dẫn những người xung quanh. Chúng tôi quý trọng đồng chí Hồ Chí Minh một cách đặc biệt, một phần nữa cũng là vì biết đồng chí đã từng bốn ba hoạt động ở nhiều nước phương Tây: Pháp, Đức, Anh, Italia... Có nơi nào lại không in dấu chân của đồng chí! Kỳ diệu thay, con người mảnh dẻ và dịu dàng ấy lại đã từng làm cho bao thế lực cường quyền phải khiếp sợ!

Trong thời kỳ bí mật, đồng chí Hồ Chí Minh có sang Đức mấy lần và thường là với tư cách đại diện của Quốc tế Cộng sản. Bấy giờ tôi cũng có biết, song không thể gặp đồng chí vì đang hoạt động ở một tỉnh xa. Vào những năm 20, Người cải trang làm một người Trung Quốc tham dự Đại hội Đoàn thanh niên cộng sản ở Étxen (Essen). Dịp này, Người ngủ tại nhà những người công nhân Đức. Các cuộc gặp gỡ sau diễn ra trong thời gian Người ở Béclin - Môabít.

Tôi chính thức tiếp xúc với đồng chí Hồ Chí Minh vào mùa hè năm 1935, tức là khi tiến hành Đại hội lần thứ 7 Quốc tế Cộng sản tại thủ đô Matxcova. Đại hội này họp tại Nhà Công đoàn trong gần một tháng, kể từ ngày 27 tháng 7 đến 21 tháng 8...

Tại Đại hội ấy, tôi được phân công cùng đồng chí Pêtrơ Phlorin viết 10 trang về tình hình Đức để bổ sung cho bản báo cáo của Dimitrốp. Nếu tôi nhớ không nhầm thì đồng chí Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm về phần tình hình Đông Dương và phong trào thuộc địa.

Cũng dịp này, tôi được gặp đồng chí Lê Hồng Phong, bạn chiến đấu và học trò ưu tú của đồng chí Hồ Chí Minh. Lê Hồng Phong đã được bầu vào Đoàn Chủ tịch

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

Đại hội và đọc bản tham luận hấp dẫn nói về sự lớn mạnh của phong trào cộng sản ở Việt Nam và Đông Dương. Trong đoàn Việt Nam còn có một nữ đồng chí, nghe nói sau này là vợ đồng chí Lê Hồng Phong.

Từ sau Đại hội này, tôi còn được gặp đồng chí Hồ Chí Minh nhiều lần. Người coi tôi như một người bạn thân thiết, tuy rằng tôi ít hơn đồng chí những tám tuổi. Mỗi lần trông thấy tôi từ xa, đồng chí đã giơ hai tay lên cao rồi mở rộng vòng tay, bước tới ôm hôn tôi triu mến. Người thường hỏi tôi bằng tên riêng:

- Đồng chí Mác, đồng chí vẫn khỏe đấy chứ?

Từ thâm tâm mình, tôi luôn luôn coi đồng chí Hồ Chí Minh là một người anh lớn, một tấm gương sáng ngời của người Mácxít-Lêninnít mẫu mực. Phải nói rằng, đồng chí Hồ Chí Minh đã đóng một vai trò vô cùng quan trọng và có uy tín rất lớn trong phong trào cộng sản quốc tế, đấu tranh với tinh thần bền bỉ và kiên quyết cho sự thống nhất của những người cách mạng chân chính toàn thế giới.

Lần đồng chí Hồ Chí Minh và tôi gặp nhau lâu nhất là vào mùa hè 1957, khi đồng chí sang thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hoà Dân chủ Đức. Lúc đó, tôi cũng đang có việc ở Béclin. Biệt thự của Hồ Chủ tịch ở phố Maiccốpxki thuộc khu Păngcô. Tôi cũng ở gần phố ấy, không xa biệt thự đồng chí bao nhiêu. Nói như người Đức thì chúng tôi ở gần nhau tới mức quăng nhẹ một viên đá cũng tới đích. Chúng tôi thường tìm đến nhau sau những hoạt động chính thức của đồng chí. Có hôm đồng chí tiếp tôi ở ngay chân cầu thang phía ngoài biệt thự. Đồng chí mặc bộ quần áo ngủ kẻ sọc hai màu đỏ và đen. Bữa ấy, tôi mang cả

hai cậu con trai là Hanxơ và Misaen sang thăm Bác Hồ. Hai cháu rất sung sướng được gặp Người. Người rất yêu mến chúng, âu yếm xoa đầu và hỏi chúng về chuyện học hành. Lát sau, đồng chí Hồ Chí Minh khoác tay tôi đi dạo trong vườn. Người hỏi tôi:

- Bệnh da dầy của đồng chí đã đỡ chưa?

Tôi rất lạ là Người còn nhớ đến cả một chuyện nhỏ ấy. Tôi nói với Người rằng, sau khi được các nhà chuyên môn của Cộng hoà Dân chủ Đức xem xét, điều trị, tôi thấy có khá hơn. Tuy nhiên, công việc liên miên, nhiều khi khá căng thẳng, ít được nghỉ ngơi nên cũng khó lòng khỏi hẳn. Người nhìn tôi đầy thông cảm. Rồi chúng tôi trao đổi với nhau về một số vấn đề chính trị.

(Theo sách "Hồ Chí Minh với quê hương Các Mác")

“CÔ VẪN HAI CHÁU DÂY CHỨ?”

Năm 1955, lần đầu tiên nghệ sĩ Lê Thanh vinh dự được gặp Bác Hồ. Đứng trước Bác, chị rất bồi hồi xúc động, càng quyết tâm hát, diễn thế nào cho hay. Bác thân mật động viên:

- Nghệ sĩ phải là chiến sĩ. Đã là chiến sĩ, phải dũng cảm đấy nhé!

- Thưa Bác, vâng ạ!

Rồi Bác ân cần hỏi tiếp:

- Cô đã lập gia đình chưa?

Nghệ sĩ Lê Thanh nhỏ nhẹ:

- Thưa Bác, cháu đã có hai con rồi ạ!

Bác bảo:

- Muốn phục vụ tốt, đỡ vất vả, người nghệ sĩ nên để ít thôi...

Hai năm sau, Lê Thanh được tham gia Đoàn đại biểu thanh niên nước ta đi dự Đại hội Liên hoan thanh niên và sinh viên thế giới lần thứ 6 tổ chức ở Liên Xô. Trong lúc đoàn đang lưu lại Bắc Kinh, vừa về đến phòng nghỉ thì nhận được tin báo: “Tất cả anh chị em mau mặc trang phục chỉnh tề, để vào gặp Bác Hồ”.

Bác được bố trí ngồi trên một sân khấu nhỏ, còn anh em, chị em trong đoàn thì ngồi quây quần ở phía

dưới, như một đàn con cháu bên người cha, người ông trong một gia đình lớn.

Bác rất vui, cười nói:

- Các đồng chí Trung Quốc dành cho Bác ở lầu "Cửu trùng", chỗ ở của vua chúa ngày trước... Bác đề nghị chuyển sang chỗ khác thuận tiện hơn.

Rồi Bác dặn:

- Muốn làm việc gì cũng phải đoàn kết. Làm việc gì cũng phải xem xét kỹ lưỡng, cẩn trọng...

Đến lúc chia kẹo cho mọi người, khi đến chỗ nghệ sĩ Lê Thanh đứng, Bác vừa cho kẹo vừa hỏi:

- Thế cô vẫn hai con đấy chứ?

Lê Thanh bàng hoàng, xúc động, nghẹn ngào thưa:

- Dạ... dạ... thưa Bác, vâng, cháu vẫn hai cháu ạ!

Đêm đó, nghệ sĩ thao thức mãi, không sao chợp mắt được vì xúc động trước sự quan tâm ân cần của Bác và không ngờ Bác vẫn nhớ tới chị, nhớ việc chị đã có hai con.

(Theo sách "Hồ Chí Minh cứu tinh dân tộc Việt")

“BÁC HỒ CẢM ƠN LINBA!”

Một buổi sáng mùa hè năm 1959, Bác Hồ đi thăm hồ Yxúc ở đất nước Cadăcxtan xa xôi. Hồ nằm trên núi cao 1.800 mét, cách thành phố Ama Ata chừng 60 cây số. Đường lên hồ quanh co, hùng vĩ tầng tầng núi. Bên hồ là khu nhà nghỉ của dân. Cảnh núi non in bóng xuống lòng hồ trong vắt thật nên thơ.

Thấy Bác Hồ đến, mọi người dân ở đây, nhất là thanh niên và thiếu nhi quây quần quanh Bác rất đông. Bác đưa mắt âu yếm nhìn khắp lượt và xoa đầu các cháu bé đứng gần. Lúc đó, từ trong đám đông, một cháu nhỏ tay cầm con búp bê lách đến bên Bác và nói:

- Cháu xin tặng Bác Hồ con búp bê này!

Bác vui vẻ nhận con búp bê và bế cháu nhỏ lên, hôn vào hai má căng hồng. Đoạn, Bác nói:

- Bác rất cảm ơn cháu bởi món quà tặng này. Giờ Bác xin tặng lại cháu!

Em bé không nhận lại con búp bê mà nói bằng tiếng Việt: “Việt Nam, Việt Nam!”

Bác đã hiểu ra ý của em bé: Muốn nhờ Bác mang con búp bê đó về tặng các bạn nhỏ Việt Nam. Bác nói:

- Bác Hồ cảm ơn Linba!

Mọi người hết sức ngạc nhiên khi nghe Bác Hồ gọi đúng tên em bé.

Thì ra, trước đó, trong khi tiếp xúc, Bác Hồ đã quan sát, để ý nghe mẹ của em bé gọi tên bé trong đám đông.

(Theo sách “Bác Hồ với tuổi trẻ năm châu”)

BÁC HỒ KỂ CHUYỆN VỀ QUÁ TRÌNH TÌM ĐẾN CHỦ NGHĨA MÁC

Năm 1967, vợ chồng nhà văn Đức là Cuốc và Giơơ Stécơ sang thăm Việt Nam tám tuần. Trước khi về nước, ông bà rất vui mừng được Bác Hồ tiếp tại Phủ Chủ tịch. Cùng dự có nhà thơ Tố Hữu.

Tại buổi tiếp, ông bà nhà văn đã được Bác Hồ trả lời nhiều câu hỏi quan trọng để viết sách, trong đó có một câu như sau:

“Thưa đồng chí Chủ tịch, chúng tôi đến từ đất nước của Mác và Ăngghen. Chúng tôi xin đồng chí cho biết đồng chí đã tìm đến chủ nghĩa Mác bao giờ, bằng cách nào, hoặc bằng sự giúp đỡ của ai?”

Ông bà Stécơ ghi lại:

“Vẫn như mọi lần, khi nghe câu hỏi của chúng tôi, Người vui vẻ gật đầu. Chúng tôi có cảm tưởng Người sẽ bằng lòng trả lời. Và chúng tôi càng vui mừng vì chính Người kể chuyện rất hấp dẫn, tài tình, với một trí tuệ tuyệt vời của cụ già đã vào tuổi 77:

“Năm 1919, lúc ở Pháp, tôi chưa biết một tí gì về lý luận cách mạng cả. Lúc đó tôi là một người Việt Nam yêu nước, có nghĩa là một người chống thực dân đầy nhiệt tình và gia nhập Đảng xã hội. Nhưng đối với tôi, toàn bộ lịch sử Quốc tế thứ hai và Quốc tế thứ ba là

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

cả một chuyện rắc rối. Tôi rất ngạc nhiên, khi những người Pháp ở nước Pháp gọi tôi là “ngài”, chứ không gọi là “thằng An Nam bán thiu” như bọn thực dân ở nước chúng tôi vẫn gọi. Tôi bắt đầu nhận thức rằng có hai loại người Pháp”.

Người còn kể một vài chuyện vui nữa trên con đường đi tới phát hiện ra chủ nghĩa Mác. Rồi Người nhắc tới cuộc gặp gỡ với Sácơ Lôngghê, cháu ngoại của Mác.

“Chủ nghĩa Mác là gì?” Người mác-xít tương lai số một của Việt Nam hỏi Sácơ Lôngghê như vậy. Đó là cả một câu chuyện dài và khó. Sácơ Lôngghê liền khuyên đồng chí Hồ Chí Minh đọc Mác, đọc “Tư bản luận”.

Thế là tôi chạy đến thư viện thành phố ở gần Place d'Italie và mượn cuốn “Tư bản luận” để đọc. Tôi tự nhủ: “Phải đọc đi đọc lại hai ba lần”. Nhưng về sự khác nhau giữa Quốc tế thứ hai và Quốc tế thứ ba thì cho đến khi đọc tác phẩm của Lênin về vấn đề thuộc địa, tôi mới hiểu một cách đúng đắn...

Như vậy là Người đã tiến hành một cuộc lựa chọn. Là đảng viên Đảng Xã hội Pháp năm 1920, Người tham dự Đại hội lịch sử của Đảng ở Tua (Tours) và cùng với số đông đại biểu bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế thứ ba. Và người cộng sản đầu tiên đồng thời là người sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam sau này, lúc đó đã trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

Dĩ nhiên, “người An Nam bán thiu”, sống giữa lòng “Nước mẹ Đại Pháp” để viết báo và lên tiếng đấu tranh không mệt mỏi chống lại chủ nghĩa thực dân, vì

sự nghiệp giải phóng Tổ quốc, và luôn luôn bị một vụ theo dõi ngặt nghèo.

“Có một hôm, Bộ trưởng thuộc địa Pháp Anbe Xarô mời tôi đến gặp. Dĩ nhiên, tôi hiểu ông ta muốn gì: mua chuộc tôi hoặc làm nhụt ý chí đấu tranh của tôi. Ông ta tiếp tôi khá lịch sử, nhưng đó là một kiểu giả tạo. Ông ta cười và giảng giải: “Nước mẹ Đại Pháp yêu quý tất cả các con của mình với một tình yêu như nhau”. Nhưng rồi ngài Bộ trưởng liền đổi giọng: “Nhưng hiện nay, chúng tôi biết, có một số kẻ đang âm mưu chống đối chúng tôi”. Nói tới đó, thái độ của Xarô bỗng hoàn toàn khác hẳn lúc ban đầu. Mặt hầm hầm, ông ta dọa dẫm bằng giọng tàn nhẫn: “Nếu họ còn tiếp tục gây rối, chúng tôi sẽ bẻ gãy họ ngay lập tức!”.

“Nhưng lúc đó tôi nghĩ bụng: “Để rồi xem ai bẻ gãy ai...” Cho đến năm 1946, khi tôi sang Pháp với tư cách thượng khách của chính phủ nước này, tôi lại gặp ông ta. Ngài Bộ trưởng siết chặt tôi vào lòng. Ông ta gọi tôi là “người bạn quý và chỉ yêu cầu tôi một điều: xin vãn để một trường học mới khánh thành ở Hà Nội mang cái tên là “Anbe Xarô”. Còn về phía Pháp, chỉ ít tháng sau cái ôm hôn ở Pari của ngài Bộ trưởng thuộc địa, tháng 12 năm 1946 họ đã cho quân đội xâm lược một lần nữa đất nước chúng tôi.”

(Theo sách “Bác Hồ như chúng tôi đã biết”)

“HỒI CÒN Ở PARI, BÁC ĐÃ NGHE MÔRITXO XVALIÊ HÁT...”

Năm 1946. Madlen Ripphô (Madlen Riffaut) vừa tròn 18 tuổi, đã có mặt trong đoàn thanh niên cộng sản Pháp đến chào Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị thượng khách của chính phủ Pháp. Tuổi còn trẻ, nhưng người con gái xinh đẹp, dũng cảm và tài ba này đã từng là một chiến sĩ chống phát xít, bị bắt và kết án tử hình trong Chiến tranh thế giới thứ II

Bác Hồ đã từng nghe kể về chiến công của cô và các bạn, cho nên khi được giới thiệu Bác đến ôm hôn lên trán cô và âu yếm hỏi: “Cô gái Pari dũng cảm là đây ư?”

Lúc này, cô là người mới bước vào nghề báo, đang tập sự ở toà soạn báo “*Chiều nay*” (Ce Soir). Từ thuở nhỏ, cô cũng đã nghe kể về Nguyễn Ái Quốc, một nhà cách mạng Việt Nam đã tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Cô hằng ước mơ sẽ có ngày được gặp Người và hôm nay ước mơ đó đã thành sự thật. Người đã gọi cô là “Con gái của tôi” (Ma file) và nói với cô:

- Làm báo là nghề chân chính!

Và Người động viên:

- Bây giờ con hãy làm việc, học tập. Khi nào trở thành nhà báo, con hãy sang Việt Nam! Bác sẵn sàng đón con bất cứ lúc nào, như đón con gái Bác!

Nhớ lời Bác, Madlen Ripphô đã ra sức phấn đấu và trở thành một nhà báo xông xáo, làm phóng viên báo Nhân đạo của Đảng Cộng sản Pháp, lăn lộn trên các chiến trường ở Angiêri. Sáu năm sau ngày gặp Bác, chị sang Việt Nam giữa đạn bom ác liệt, chứng kiến cuộc chiến đấu chính nghĩa của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của “Cha Hồ”. Kết quả của chuyến đi ấy là tác phẩm *“Hoa từ cánh đồng Việt Nam”* đã ra đời vào năm 1952.

Tháng 5-1954, chị rất vui mừng trước chiến thắng oanh liệt ở Điện Biên Phủ, và chị lại sang Việt Nam - quê hương của “Cha Hồ”. Một lần, tại Phủ Chủ tịch ở Hà Nội, chị và nhiều nhà báo nước ngoài được Bác Hồ tiếp. Người đã chủ động đến bên chị và nói:

- Ô kìa, các vị hãy nhìn cô gái nhỏ nhắn này! Cô ấy không nhận ra tôi nữa chắc!

Madlen Ripphô đỏ mặt xúc động không nói nên lời. Chị nghĩ: “Thưa Bác, không, con gái của Người vẫn nhận ra Người đấy chứ! Nhưng, con thật không ngờ là Người vẫn còn nhớ con!”

Những ngày hoà bình đầu tiên ấy, giữa bộn bề công việc, Bác Hồ dành thì giờ tiếp chị nhiều lần. Những lần gặp ấy được chị mô tả sinh động, cụ thể trong các bài viết với một tình cảm dạt dào. Dịp ấy, chị viết bài thơ “*Bác Hồ*”. Hình ảnh “*Người cầm hai đoá hoa hồng - tựa như những đoá ta trồng vườn ta*” gây ấn tượng mạnh mẽ trong tâm hồn chị và nữ thi sĩ cảm thấy “*Tôi như chim trắng trước Người*”... Trước khi trở về Pháp, chị được Bác Hồ tặng hai tấm lụa. Chị cắt may thành hai áo theo kiểu áo các cô gái Việt Nam thường mặc. Sau

này, cứ mỗi lần sang Việt Nam, chị lại mặc những chiếc áo may từ hai tấm lụa của Người tặng chị.

Nhưng, trong những năm 60, trong chuyến đi cùng nhà báo Bôcsét vượt Trường Sơn vào tận Tây Ninh, chị không mặc áo lụa dài mà mặc bộ quần áo bà ba đen, đội mũ tai bèo, đi dép cao su, khoác khăn rằn trên vai. Chị là nữ phóng viên nước ngoài đầu tiên có mặt giữa các bưng biển miền Nam Việt Nam, trực tiếp viết các phóng sự tìm hiểu thực tế chiến đấu tại mặt trận. Chị coi chuyến đi hai năm trời ấy là món quà mà “Người Cha già đã tặng con gái của Người”, “Một sự tỏ lòng quý trọng đối với nhân dân Pháp mà Bác Hồ rất hiểu biết và yêu mến”.

Các chiến sĩ giải phóng thương mến gọi chị là “Chị Ba” và ai cũng biết chị là “con gái nuôi” của Bác Hồ kính yêu. Chị đã cho ra đời tác phẩm *“Trong căn cứ của Việt Cộng”*, được tổ chức quốc tế các nhà báo (OIJ) tặng Giải thưởng năm 1966.

Tác phẩm đó cũng như cuốn phóng sự *“Ở miền Bắc Việt Nam viết dưới bom đạn”* đều được chị *“Kính tặng Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự biết ơn sâu sắc và tất cả lòng yêu mến của con đối với Người và nhân dân của Người đang chiến thắng chống những tên phát xít mới”*.

Về những lần gặp Bác cuối cùng, chị cho biết rằng, *Bác đã nhắc tên và hỏi thăm những người bạn cũ mà Người quen ở Pháp và châu Âu*. Chị viết:

“Những câu Người hỏi tôi về các chiến sĩ cách mạng lão thành, không phải là những câu xã giao lấy lệ. Bác Hồ quan tâm đến từng người. Người nhắc lại hỏi còn hoạt động bí mật, nửa bí mật, Người có trọ ở một

góc phố nhỏ, gần quảng trường Italia bây giờ, phố ấy tên là Xinh Xắn (Gracieux) - dãy phố ấy nghèo - chẳng "xinh xắn" đến thế đâu!"

Trong bài *"Bác Hồ đi giữa mùa thu"* sau khi được tin Bác qua đời, chị kể lại rằng, có lần Bác Hồ bảo chị:

- Con ơi, nếu con muốn làm Bác vui lòng thì một hôm nào đó, con hãy gửi cho Bác bộ đĩa thu lại những bài hát mà xưa kia Môritxơ Xvaliê vẫn hát, và Bác đã từng nghe khi Bác còn ở Pari và lúc đó con chưa ra đời...

Các đĩa hát ấy, Bác đã nhận được đầy đủ. Người nghe lại các đĩa hát một cách thích thú, Người rất vui lòng. Nghe Môritxơ Xvaliê, như Người nói, Người lại nhớ biết bao hình ảnh những người lao động ở Pari mà Người rất yêu mến.

(Theo sách "Những người con đỡ đầu của Bác Hồ")

**“THẬT KHÔNG NGỜ, HƠN HAI NĂM RỒI,
BÁC VẪN NHỚ TÊN TÔI, NHỚ NGÀY THÁNG
CHIẾN ĐẤU CỦA CHÚNG TÔI”**

Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Dương Chí Uyển đã trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nhiều lần bị thương và từng vinh dự được gặp Bác Hồ kính yêu. Nhớ ngày đầu lên đường nhập ngũ, cha anh nói với anh:

· Ông Bác Hồ cao như núi Quyết, nhiều như nước sông Lam, sông La, như biển rộng quê nhà. Không có Bác thì đời cha con mình là cùng cực. Cha mẹ chỉ sinh được mình con, cha con ta liệu bề sống thế nào cho xứng đáng với công ơn của Bác.

Ngày anh vào mặt trận Trị Thiên đánh giặc Pháp, ông cụ cũng dặn con như vậy. Từ đó, hình ảnh Bác Hồ mỗi ngày càng in đậm trong tâm trí anh, và nỗi ao ước được gặp Bác càng cháy bỏng trong lòng anh.

Suốt chín năm kháng chiến chống Pháp, anh lăn lộn khắp các chiến trường Quảng Bình, Quảng Trị, miền Tây, Thượng Lào... Bốn lần bị thương, vết thương vừa bỏ băng, anh lại hăng hái cầm súng ra trận. Cho đến chiến dịch Điện Biên Phủ, bị thương gãy tay, anh mới chịu nghỉ. Nhưng thật ra đâu có được nghỉ. Tổ chức quyết định cho anh tới trường học văn hoá và bồi dưỡng về kỹ thuật, chiến thuật pháo

cao xạ. Việc học tập đòi hỏi rất nhiều quyết tâm và nỗ lực. Lớp học của anh vui mừng được Bác Hồ đến thăm. Riêng anh được Bác ân cần hỏi:

- Cháu bị thương ở mặt trận nào?

Rồi Bác nhẹ nhàng nắm lấy bàn tay trái của anh có ba ngón bị tật và âu yếm hỏi:

- Tay cháu còn đau lắm không?

Bốn năm sau, anh lại được gặp Bác. Đó là khi Bác đến thăm đơn vị anh rèn luyện để chuẩn bị mừng Quốc khánh.

Sau đó, anh trở về địa phương tham gia xây dựng quê hương. Nhưng giặc Mỹ gây chiến tranh phá hoại ra miền Bắc, anh đã tái ngũ tham gia chiến đấu, được điều về một đại đội pháo cao xạ của tỉnh với cương vị chính trị viên. Đơn vị anh đã nhanh chóng thực sự bước vào các trận chiến đấu. Ác liệt nhất là trận đánh ở "Vạt Khoai" vào ngày 25-3. Ngay từ loạt đạn đầu, đại đội pháo của anh đã bắn rơi ba chiếc F105 Mỹ. Chiến công này đã được các báo, đài đưa tin rộng rãi. Riêng Dương Chí Uyển, trong trận chiến đấu ấy bị thương nặng, máu ra nhiều, áo quần bê bết máu. Nhưng, anh từ chối băng bó mà yêu cầu y tá đến băng cho các chiến sĩ khác. Vết thương của anh khá nặng, xương hông bị giập, phải đưa vào bệnh viện. Anh chị em thanh niên trong vùng kéo đến bệnh viện thăm anh và tự nguyện cho máu. Gần hai lít máu đã cứu sống anh. Nhiều người lo lắng cho anh là chân sẽ thành tật, khó mà trở lại chiến đấu. Song, nhờ các bác sĩ, y tá, hộ lý của bệnh viện và đồng bào quanh vùng tận tình cứu chữa, chỉ gần một tháng sau sức khỏe của anh đã được phục hồi. Nóng lòng được trở về đội ngũ, anh vượt lên đau đớn, cố gắng tập đi men theo giường, mỗi bước đi làm anh đau buốt tận óc. Anh phải mổ lại, nhiều mảnh đạn và

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

mảnh xương nhỏ chưa được gắp ra hết. Khao khát được trở về chiến đấu, nhưng các vết thương trên người anh không cho phép tiếp tục ở trận địa mà phải lui về tuyến sau công tác.

Được về Hà Nội dự Đại hội Anh hùng, anh sung sướng gặp lại Bác Hồ. Anh kể:

“Vào họp, tôi được ngồi trên dãy ghế đầu, cùng với Thái Văn A và Trần Thị Lý. Trong lúc tôi đếm từng phút, trông ngóng từng giây Đại hội khai mạc thì Bác xuất hiện. Vừa thấy Bác từ phía cửa trái đi vào, tôi đứng phắt ngay dậy. Mười năm rồi, hôm nay mới lại được gặp Bác. Tay tôi vỗ nhịp hoan hô Bác mà nước mắt chảy ròng ròng vì sung sướng và cảm động. Trong lúc tôi chưa cầm được nước mắt thì Bác từ trên Đoàn Chủ tịch cầm hai bó hoa bước xuống các hàng ghế đại biểu, tặng cho mẹ Suốt chèo đò ở Quảng Bình và mẹ Phấn có sáu con đi bộ đội... Thấy mắt tôi rưng rưng, Bác quay sang phía tôi giọng đầm ấm:

- Chú tên là gì? Ở đơn vị nào?

- Thưa Bác, cháu tên là Uyên. Cháu ở đại đội pháo Bình Định bảo vệ thị xã Hà Tĩnh ạ!

Bác cười và đặt nhẹ bàn tay lên vai tôi:

- Chú là Dương Chí Uyên chiến đấu trận 26-3-1965 phải không?

- Thưa Bác, vâng ạ.

- Vết thương của chú đã khỏi hẳn chưa?

Thật không ngờ, hơn hai năm rồi, mỗi ngày có bao nhiêu trận đánh xảy ra, bao nhiêu sự kiện mà Bác vẫn nhớ tên, nhớ ngày tháng chiến đấu của chúng tôi và chăm lo cho cả vết thương của tôi...”

(Theo sách “Đình ninh lời Bác”)

BÁC HỒ LUÔN NHỚ ĐẾN CÁC “CON ĐỖ ĐẦU” CỦA MÌNH

Sinh thời, Bác Hồ của chúng ta có những người “con đỗ đầu” ở nhiều nước khác nhau, như Pháp, Nga, Đức, Ấn Độ, Anh, Trung Quốc... Ngoài một số người được Bác nhận làm “con đỗ đầu”, “con nuôi”, “con nhận” khi đã ở tuổi trưởng thành, như trường hợp các nữ nhà báo Madlen Ripphô, Hanôlôrê Khaphen hay ca sĩ Đỗ Lệ Hoa, còn nói chung, họ được Bác nhận làm con đỗ đầu từ khi còn rất bé, thậm chí mới lọt lòng - đó là Êlidabét ở Pháp (mà Bác gọi thân mật là Babét) ở bệnh viện phụ sản Bôđolốc, đại lộ Phú ông Roayan, thuộc quận 5, Pari, ngày 15-8-1946, cách đây đã hơn 60 năm; Knút Vônchăng ở Đức, có cùng ngày sinh với Người (19-5) là con của ông bà Hátman ở thành phố Dépnitxơ nổi tiếng với nghề làm hoa nghệ thuật, ra đời năm 1951; Irina Dimitoriépna Đênia, sinh vào mùa xuân năm 1958 trên đất nước Nga...

Những mối quan hệ “cha - con”, “bác - cháu”, “anh - em” của Bác Hồ với người nước ngoài rõ ràng cũng là một nét độc đáo trong đời thường của vị lãnh tụ vĩ đại. Đó là những quan hệ tình cảm giữa con người với nhau, không hề có sự cách biệt giữa nhà lãnh đạo tối

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

cao của một nhà nước với những người bình thường trong đời sống, ở nước ta cũng như ở các nước anh em, bầu bạn. Bác Hồ từng nói: "Tất cả trẻ em trên thế giới đều là con tôi!", và trong thực tế, Người luôn luôn có mối quan tâm tới thiếu niên, nhi đồng trên khắp năm châu, đặc biệt là với từng con đỡ đầu của mình.

Với tình cảm sâu sắc của người cha thân yêu, dù bận rộn thế nào, Người luôn có thư, quà, thiệp mừng cho "các con" vào dịp sinh nhật, năm mới. Khi các con đã lớn, Người gửi vải lụa để may áo cưới - như trường hợp Babét ở Pháp. Trân trọng món quà quý của cha nuôi, Babét nói với chồng và các con: "Chúng ta đang sống lại một kỷ niệm đẹp đẽ nhất trong đời mà Bác Hồ đã dành cho chúng ta!"

Có dịp sang thăm đất nước của các con đỡ đầu, Người đều nhắn tin và mời gia đình các con đến gặp gỡ, trò chuyện như trường hợp với Knút Vôn-căng: tháng 7-1957, Knút và cha mẹ, bà ngoại của cậu đã được Bác Hồ tiếp tại làng Môritxbuộc trong dịp Người sang thăm hữu nghị nước Cộng hoà Dân chủ Đức. Chương trình hoạt động trong những ngày đó hết sức sít sao, nhưng Người đã không quên họ. Họ được Bác tặng quà và nói chuyện bằng tiếng Đức - một điều mà họ rất sung sướng và cảm phục trí nhớ kỳ lạ của Bác Hồ.

Hoặc với gia đình "con gái nuôi" ở Nga: mùa thu năm 1960, Bác sang thăm Liên Xô và gia đình Diôminnui đã được mời đến thăm tại nơi nghỉ của Người trên phố Alếchxây Tônxtôi. Người đón mọi người rất vui vẻ, hỏi thăm về cuộc sống, về công việc. Người âu yếm trò chuyện với Ira, lúc này mới hai tuổi. Cháu gọi Người là ông nội. Cha của Ira sau này kể lại:

Bác Hồ nói tiếng Nga với chúng tôi, rất thoải mái và tự nhiên như người Nga chúng ta vậy. Người cũng biết những bài hát Nga. Người và chúng tôi đã cùng nhau hát bài *Cachiusa* và *Chiều ngoại ô Mátxcơva*.

Vừa trò chuyện, Người vừa quyết tâm chăm sóc Ira, cho cháu nào táo, nho, nào kẹo, bánh. Người còn kể chuyện cổ tích Việt Nam.

Với lòng biết ơn đối với vị luật sư người Anh Lôđơbai qua “vụ án Hồng Kông” từ đầu năm 1930, Bác Hồ đã mời ông bà Lôđơbai và cô con gái của họ là Pátơrixia sang thăm Việt Nam vào dịp tết Nguyên Đán 1960, tức là đúng 30 năm sau. Pátơrixia được Bác Hồ chăm sóc ân cần và coi như con gái của Người. Trong những ngày ở thăm Việt Nam, gia đình luật sư và Bác Hồ đã ôn lại nhiều kỷ niệm đẹp đẽ. Ông bà luật sư rất thán phục trước trí nhớ kỳ diệu của Bác về từng sự việc, từng con người.

(Theo sách “Những người con đỡ đầu của Bác Hồ”
và “Hồ Chí Minh với tuổi trẻ khắp năm châu”)

TỪ CÂU CHUYỆN CỦA ĐẠI SỨ PHUÝTXNE

Trong những năm 1955-1959, ông Rudônphơ Phuytxne (Rudolf Pfuetzner) được nhận trọng trách là Đại sứ của nước Cộng hoà Dân chủ Đức tại Việt Nam và đã nhiều lần được Bác Hồ tiếp tại nhà riêng trong khu vườn của Phủ Chủ tịch. Từ lần gặp đầu tiên, Bác nói với ông, trong khi một tay Người đặt nhẹ lên vai ông và một tay nắm lấy tay vợ ông:

- Đồng chí là Đại sứ đặc mệnh toàn quyền, tôi là Chủ tịch nước, nhưng hôm nay chúng ta hãy tạm gác nhiệm vụ ngoại giao lại nhé. Trong tình đồng chí, anh em, lúc này ta nên bỏ mọi nghi thức ngoại giao. Hai đồng chí có tán thành không?

Trước thái độ ân cần, cởi mở của Bác Hồ, ngay từ phút đầu gặp Bác, vợ chồng ông cảm thấy được sống trong bầu không khí ấm áp của gia đình mà - như ông nói - Người là một người cha kính yêu. Nhờ đó, ông được nghe Bác Hồ kể nhiều chuyện về thời kỳ hoạt động bí mật ở Đức. Người cho biết:

- Lúc đó Béclin nghèo lắm. Nạn lạm phát hoành hành khắp cả nước Đức. Tôi cũng rất nghèo, tuy là một nhà triệu phú kia đấy! Chắc đồng chí còn nhớ, một miếng bánh mì cũng có khi giá hàng nghìn Mác!

Đại sứ Phuytxne nghe Bác kể chuyện về những năm 20 của thế kỷ trước - khi ấy ông còn nhỏ, và cũng hiểu được ít nhiều tình cảnh lam phát cực kỳ nghiêm trọng. Qua lời kể của Bác, ông nhớ lại: đồng bạc giấy ngày ấy khổ to lắm, to gấp tới 4 hoặc 6 lần tờ bạc giấy bây giờ. Có đồng 10 vạn rất to, in năm 1922, vẽ đủ các thứ hình thù...

Cũng trong câu chuyện cùng Bác, ông nhớ nhân dân lao động ở Béclin sống trong những căn hộ hết sức chật chội. Có thể nói, các năm đó, Béclin là thành phố dân ở chật nhất thế giới! Bảy giờ chiến tranh đã qua 6 năm rồi, nhưng còn đói dữ, người qua đường ai cũng xanh xao, vàng vọt...

Chợt Bác Hồ hỏi hai vợ chồng đại sứ:

- Hiện nay, ở Quảng trường Alếchxăngđơ còn có những hiệu ăn rẻ tiền không?

Người cho biết: hồi sang hoạt động bí mật ở Béclin, Người thường đến ăn tại tiệm "Asinhngơ" (Aschinger) - một tiệm ăn rẻ tiền, giá mỗi bữa chỉ 20 xu (tiếng Đức gọi là "Phê-ních" - pfennig)...

Còn chỗ Bác ở là tại nhà một gia đình công nhân, gần chợ Hănkétsêmác, không xa trụ sở Đảng Cộng sản Đức (KPD) lắm. Năm 1957, trong dịp sang thăm hữu nghị chính thức Cộng hoà Dân chủ Đức, khi đi qua quảng trường Alếchxăngđơ, Bác đã cho xe dừng lại, chỉ vào một hai khu nhà cũ, cố tìm ra trong trí nhớ nơi Người từng ở. Bác cho biết: Người cũng chỉ ở đó một thời gian ngắn thôi, rồi lại phải lẩn tránh ra ngoại ô, tức là vùng Vétđinh (Wedding) thuộc Tây Béclin ngày nay.

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

Đại sứ Phuytxne kể lại những chi tiết nói trên với sự cảm phục sâu sắc trí nhớ của Bác Hồ. Ông bảo: “Những năm tôi làm đại sứ ở Hà Nội, Bác Hồ nhiều lần tổ chức chiếu phim trong Phủ Chủ tịch và cho mời đại sứ các nước xã hội chủ nghĩa đến xem. Bác dặn chúng tôi phải mang cả vợ con đi. Một lần tôi không mang nhà tôi đi. Bác liền hỏi tôi bằng tiếng Đức:

- “Cô nàng” của chú đâu?

Tôi thưa với Bác:

- Nhà tôi mệt ạ!

Bác không tin, liền cho gọi xe đi đón ngay.

Quả thật, Bác rất quý nhà tôi, cứ gặp ở đâu là Người cũng cho ngồi gần. Sau này, đôi với vợ chồng đồng chí Eđuác Claodiút cũng vậy. Tôi được nghe kể rằng, có lần chị Claodiút đau chân, bị bó bột, nhưng phải có mặt trong một cuộc đón vị khách nguyên thủ quốc gia. Giữa đám đông mà Người vẫn nhận ra chị ấy đau chân, liền tự Bác đem ghế đến cho chị ngồi. Ai cũng cảm động trước sự ân cần của Bác. Bao giờ và ở đâu Người cũng nhớ đến mọi người, không quên một ai cả!

Một lần, đại sứ quán chúng tôi tổ chức chiêu đãi tại câu lạc bộ Quốc tế, nhân kỷ niệm Quốc khánh Cộng hoà Dân chủ Đức, Bác Hồ cũng đến. Nhà tôi lấy đĩa, dao, cù dĩa và lễ phép mời Người ăn xúc xích luộc. Bác bảo cất cứ thứ đó đi:

- Ở Béclin xúc xích luộc thì phải lấy tay cầm và chấm mù tạt mà ăn chứ!

Người cũng vui vẻ ăn một miếng bánh mì nướng loại nhỏ. Người liền nhắc đến một chi tiết: trước đây, Bác thỉnh thoảng đến ăn xúc xích luộc và bánh mì nướng tại một cửa hàng gần trung tâm Béclin. Theo

sự giải thích của Người, thì cửa hàng ấy nằm cạnh khách sạn thành phố bây giờ.

Một lần khác, trong cuộc gặp riêng, Người nói với tôi: Hồi hoạt động bí mật ở Béclin, Bác đã vào một thư viện thành phố để xem các loại sách trình bày các mô hình máy móc. Người hỏi tôi có thể tìm mượn cho Người một quyển như vậy không, ví dụ nói về hệ thống máy móc trong đầu tàu hoả...

Và tôi đã tìm để tặng Bác một cuốn...

Song, vì trong cuốn sách đó còn in dấu của thư viện, Bác tỏ ý không hài lòng và dặn tôi: "Không được lấy sách của thư viện để tặng như vậy!"

Thật ra, cuốn sách ấy không thuộc về một thư viện nào nữa, nó bị thải từ lâu lắm rồi. Thế nhưng, tôi không biết giải thích thế nào để Người thông cảm được.

Đại sứ Phuytxne còn kể một chuyện thú vị khác. Đầu năm 1957, trong dịp đồng chí Thủ tướng Grôttôvôn sang thăm Việt Nam, Bác mời các chị em trong đoàn đến nhà riêng của Bác, trong đó có phu nhân Thủ tướng. Theo yêu cầu của Bác, chị em đã tập cho Bác hát một bài dân ca Đức. Đến hôm chiều đãi Đoàn, giữa bầu không khí hết sức cởi mở, đầm ấm, mọi người đề nghị Bác hát một bài. Bác vui vẻ nhận lời, nhưng cho biết là sẽ hát cùng các chị em người Đức. Và quả thật, Bác đã thuộc lời và hát say sưa cùng mọi người. Đó là một bài dân ca đượm chất trữ tình rất cao, nhạc điệu uyển chuyển, dạt dào, mang nội dung ca ngợi đồng quê xanh tươi, trù phú...

(Theo sách "Bác Hồ như chúng tôi đã biết")

Ở HẢI HẢI, NHỚ NHẬT LỆ

Ngày 16-6-1957, Bác Hồ về thăm Quảng Bình bằng chuyên cơ Đacôta IL. 11.203. Đây là chuyến đi thăm của Bác tại các tỉnh miền Trung, sang Thanh Hoá, Nghệ An rồi đến Quảng Bình của một phái đoàn Chính phủ, do Bác dẫn đầu. Đây cũng là lần thứ 2 Bác đến Quảng Bình. Lần trước đã cách đây gần một nửa thế kỷ - khi ấy Bác còn là một thiếu niên theo gia đình, đi bộ trên con đường thiên lý, từ Nghệ An vào Huế.

Đêm trở lại Quảng Bình, Bác không nghỉ trong nhà theo bố trí của Tỉnh uỷ mà ôm chiếu ra trải trên cát, dưới rặng cây phi lao. Lúc này, ánh trăng đầu tuần toả ánh bạc xuống cửa sông. Mặt biển im lìm thỉnh thoảng chỉ xấp xỉ đợt sóng lô nhô. Vừa ngắm cảnh, Bác vừa trầm ngâm suy nghĩ. Thì ra, ở đây, nơi xa nhất về phía Nam trên miền Bắc mà Bác dừng chân, chỉ hơn 80km nữa là đến sông Bến Hải. Và bên kia là miền Nam, không những có đồng bào một nửa nước, mà còn có thân sinh của Người đang an nghỉ trong đó. Và, Người tâm sự với ông Vũ Kỳ - thư ký riêng của Bác - với giọng trầm lắng:

- Mẹ mình mất ở Huế, bố mình mất ở Cao Lãnh - Nam Bộ. Một chốn của quê hương mình còn mãi tận

trong kia. Đi lần này, phải dừng chân ở đây, coi như, đi đến nơi mà chưa về đến chốn. Vòng tròn bước chân quanh Tổ quốc chưa khép kín.

Nhiều năm sau chuyến đi Quảng Bình này, trong một chuyến thăm các nước Bắc Âu, Bác nghỉ lại ở khách sạn một quốc gia bên bờ Hắc Hải. Bác yêu cầu cho được nghỉ trong lều vải bên bờ biển. Trong cảnh êm ả của biển bao la và lung linh ánh điện đủ màu, chấp chới những con tàu xuôi ngược, nhìn những cảnh ấy, Bác quay lại nói với người thư ký riêng:

- Chú Kỳ nhớ cái đêm ngủ ở cửa biển Nhật Lệ không?

Chưa kịp nghe trả lời, Bác tiếp:

- Bãi biển ở đó đẹp và trong lành hơn ở đây nhiều.

Trong hồi ức của mình, ông Vũ Kỳ viết: *“Quả là đêm bên bờ biển Nhật Lệ năm 1957 là một kỷ ức đẹp trong tâm khảm của Bác Hồ”*.

(Theo báo Văn nghệ, số 34, ngày 23-8-2008)